

Hà Nội, ngày tháng 03 năm 2019

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN KẾT QUẢ ĐẠT
KỶ ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA
Từ ngày 16 tháng 03 đến ngày 18 tháng 03 năm 2019
Nghề: Công nghệ thông tin bậc 3**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ - ĐHCN ngày tháng năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
				Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
1	Hồ Sĩ Anh	16/03/1986		x		172195058	09/06/2009	CA Thanh Hóa
2	Lê Thị Châm	18/07/1991			x	173089839	14/10/2013	CA Thanh Hóa
3	Đỗ Mạnh Cường	06/02/1995		x		132287375	11/08/2018	CA Phú Thọ
4	Phạm Anh Đức	09/07/1984		x		164619056	03/10/2012	CA Ninh Bình

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
				Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
5	Đỗ Việt Dũng	21/02/1982		x		026082005075	14/05/2018	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
6	Nguyễn Thị Hồng Hà	27/11/1988			x	001188005968	14/01/2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
7	Đào Thị Thu Hằng	16/10/1972			x	013226506	31/08/2009	CA Hà Nội
8	Lại Văn Hiệp	24/03/1991		x		013152043	15/01/2009	CA Hà Nội
9	Nguyễn Thị Thu Hoàn	15/11/1985			x	030185002168	04/05/2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
10	Nguyễn Thị Thúy Hồng	25/04/1977			x	011873091	21/03/2011	CA Hà Nội

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
				Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
11	Phạm Thị Quỳnh Hương	03/11/1981			x	036181005675	19/10/2017	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
12	Triệu Thu Hương	19/12/1983			x	001183001038	07/10/2013	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
13	Nguyễn Thị Hường	25/03/1982			x	026182003639	05/07/2017	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
14	Nguyễn Thị Loan	07/11/1987			x	001187007840	29/03/2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
15	Bùi Thanh Loan	18/10/1985			x	022185000120	04/05/2015	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
16	Mai Thị Lợi	17/02/1982			x	073047791	29/11/2013	CA Hà Giang

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
				Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
17	Nguyễn Thị Ngọc Mai	01/01/1983			x	073552466	25/04/2016	CA Hà Giang
18	Hoàng Đức Mạnh	07/05/1983		x		135102824	12/04/2012	CA Vĩnh Phúc
19	Đỗ Thị Nhung	12/05/1985			x	038185016820	11/03/2019	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
20	Lương Thu Nhung	14/4/1984			x	090980316	26/8/2010	CA Thái Nguyên
21	Phùng Thị Minh Phương	27/06/1991			x	135455566	04/06/2008	CA Vĩnh Phúc
22	Nguyễn Thị Tâm	10/08/1979			x	111324269	22/05/2010	CA Hà Nội

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
				Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
23	Phạm Thị Tân	09/09/1971			x	073220900	27/06/2012	CA Hà Giang
24	Phạm Đức Thành	29/07/1974		x		135528944	20/09/2007	CA Vĩnh Phúc
25	Nguyễn Thị Hồng Thúy	05/07/1980			x	011898756	11/07/2011	CA Hà Nội
26	Nguyễn Thị Như Trang	17/10/1981			x	011181000002	26/02/2014	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
27	Đặng Trần Trung	10/04/1962		x		010382621	22/08/2013	CA Hà Nội
28	Hoàng Tùng	14/05/1978		x		025078000376	15/01/2018	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
				Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
29	Nguyễn Thị Vân	05/05/1985			x	017123314	28/11/2009	CA Hà Nội
30	Nguyễn Thị Thanh Xuân	19/05/1978			x	135130378	29/09/2009	CA Vĩnh Phúc